

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TÂN CẢNG - PHÚ HỮU**

MST : 0 3 0 9 4 4 4 6 3 5
ĐC: Khu phố 4 – Phường Phú Hữu – Quận 9 – Tp.HCM

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2019**

MỤC LỤC



	Trang
I. Thông tin chung	3
1. Thông tin khái quát.....	3
2. Mã cổ phiếu.....	3
3. Quá trình hình thành và phát triển.....	3
4. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	4
5. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	4
5.1 Mô hình quản trị.....	4
5.2 Cơ cấu bộ máy quản lý.....	4
5.3 Các công ty con, công ty liên kết.....	4
6. Định hướng phát triển.....	5
6.1 Các mục tiêu phát triển của Công ty.....	5
6.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn.....	5
7. Các rủi ro.....	6
II. Tình hình hoạt động trong năm	7
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019.....	7
2. Tổ chức và nhân sự.....	8
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	12
4. Tình hình tài chính.....	12
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	13
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc	14
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	14
2. Tình hình tài chính.....	14
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	17
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	17
4.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.....	17
4.2 Hoạt động đầu tư.....	17

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán.....	17
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty	18
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.....	18
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty.....	18
3. Các kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị	18
V. Quản trị Công ty	19
1. Hội đồng quản trị	19
2. Ban kiểm soát	21
3. Các giao dịch, thù lao, và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát	22
VI. Báo cáo tài chính	23
1. Ý kiến kiểm toán	23
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.....	25

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

Năm báo cáo : 2019

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU
- Tên Tiếng Anh: Phu Huu NewPort Corporation
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0309444635
- Vốn điều lệ: 161.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:
- Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, Quận 9, Thành Phố Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: 08.62888809
- Số fax: 08.62887980
- Website:
- Mã số thuế: 0309444635

2. Mã cổ phiếu : PNP

3. Quá trình hình thành và phát triển

a. Thành lập:

Công ty cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu được thành lập trên cơ sở hợp tác giữa Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé, Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn, Công ty TNHH Sài Gòn Container, Công ty Cổ Phần Hàng Hải Phú Hải.

Ngày 22/09/2009 Sở Kế hoạch và Đầu tư đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309444635 lần đầu, và đã thay đổi tên Công ty, vốn điều lệ vào ngày 14 tháng 05 năm 2015, để đầu tư xây dựng phát triển khu đất 24ha, việc xây dựng Tân Cảng - Phú Hữu nhằm giảm bớt áp lực lưu lượng tàu ra vào sông Sài Gòn - hiện đang quá tải, đồng thời phù hợp với đề án quy hoạch nhóm cảng số 5 theo đúng định hướng quy hoạch cảng của Chính phủ và thành phố Hồ Chí Minh.

Giai đoạn từ tháng 06/2007 đến hết tháng 12/2008 Công ty triển khai xây dựng hệ thống cầu cảng, bến bãi, đầu tư trang thiết bị, tuyển dụng, đào tạo CBCNV, hoàn thiện bộ máy tổ chức chuẩn bị cho việc đưa Cảng kinh doanh khai thác đầu năm 2009.

b. Các sự kiện khác:

Tháng 7/2010 Cục Hàng hải và Công ty bảo đảm an toàn hàng hải miền nam đã cấp giấy phép đưa cầu cảng đi vào hoạt động.

Nhằm đáp ứng nhu cầu và nâng cao năng suất xếp dỡ Container tại Cảng, Công ty đã đầu tư 03 cầu QC với tổng vốn đầu tư là : 4.124.500 USD

Tháng 9/2015 đến tháng 6/2016 công ty tập trung đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng nhằm đáp ứng nhu cầu khai thác hàng container.

Tháng 7/2016 công ty đã đưa cơ sở hạ tầng mới vào khai thác, đáp ứng được nhu cầu sản xuất kinh doanh hiện có.

4. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- *Ngành nghề kinh doanh:*

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải ven biển và viễn dương, bốc xếp hàng hóa cảng biển, dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải đường biển, hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa, kể cả dịch vụ liên quan tới hậu cần.

- *Địa điểm kinh doanh:*

Tại Khu phố 4, Phường Phú Hữu, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:**4.1 Mô hình quản trị:**

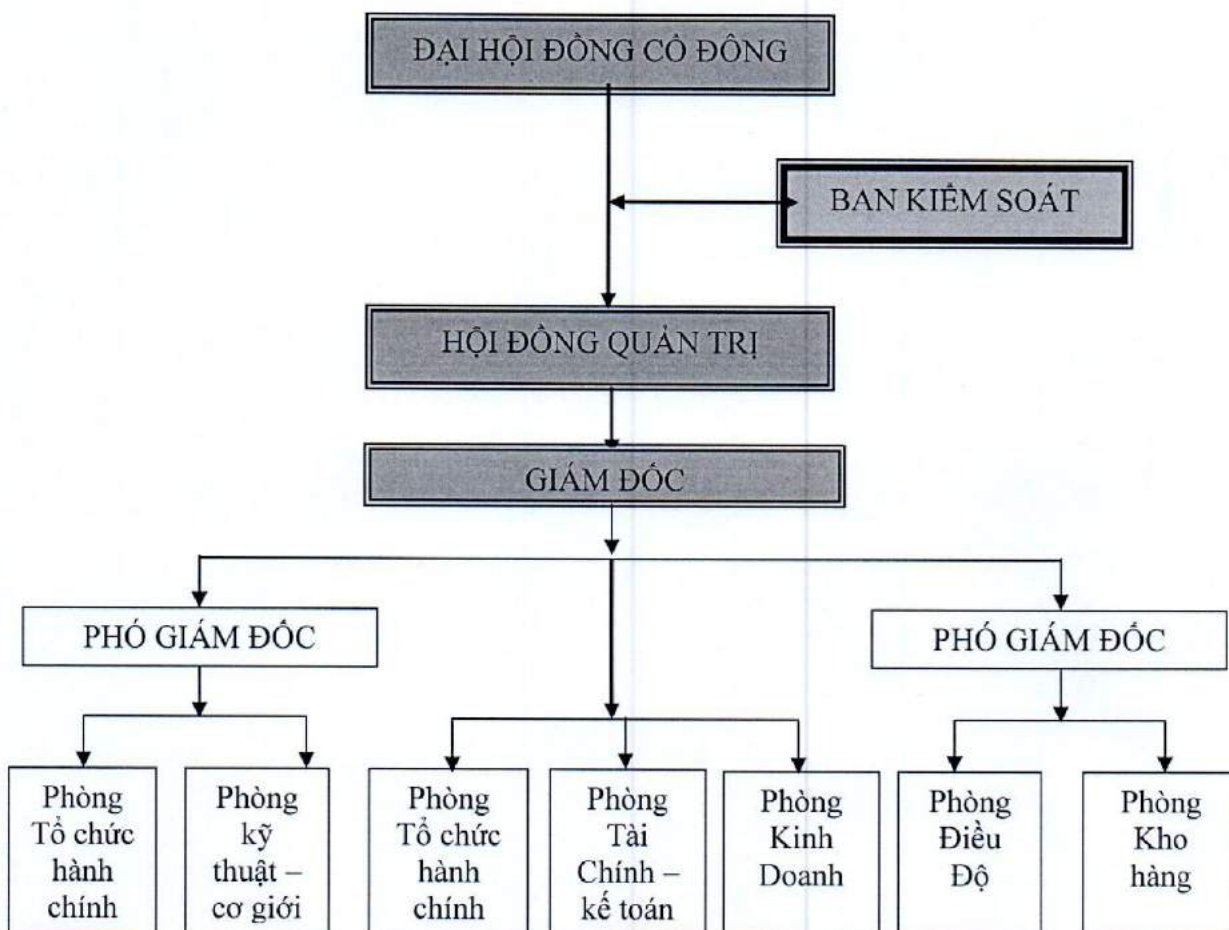
Cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty là **Đại hội đồng cổ đông**.

Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Công ty, thực hiện các nhiệm vụ quyền hạn theo quy định của Điều lệ công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ Phần Tân Cảng - Phú Hữu. Hội đồng quản trị hiện nay gồm : 5 thành viên.

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thực hiện giám sát nhiệm vụ Hội đồng quản trị, Ban giám đốc. Ban kiểm soát hiện nay gồm: 3 thành viên.

Ban giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, có nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều lệ Công ty, Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và đồng thời tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo quy định của pháp luật. Ban giám đốc gồm: 01 Giám đốc và 02 Phó Giám đốc.

4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý :



4.3 Các công ty con, công ty liên kết : không có.

6. Định hướng phát triển.

5.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Hợp tác với Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn để khai thác nguồn hàng Container xuất - nhập. Cung cấp dịch vụ vendor cho TCT Tân Cảng Sài Gòn.

Đa dạng hóa các loại hình dịch vụ cung cấp ngoài chức năng kinh doanh chính là khai thác bến cảng như hiện nay theo hình thức mở rộng hợp tác kinh doanh với các đối tác, đặc biệt là các đối tác kinh doanh trong lĩnh vực logistics, phục vụ đóng rút hàng tại bãi, khai thác kho hàng CFS.

5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn :

Chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty trong thời gian tới, tập trung vào các vấn đề sau :

Xem xét mở rộng đầu tư nhà kho, bến bãi, trang thiết bị và phương tiện xếp dỡ chuyên dùng hợp lý cho từng giai đoạn phục vụ sản xuất kinh doanh.

Nâng cao chất lượng tuyển dụng và đào tạo, đảm bảo nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh doanh của công ty.

5.3 Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

Thực hiện các biện pháp bảo vệ và cải thiện môi trường theo đúng quy định của pháp luật.

7. Các rủi ro:

Rủi ro trong cạnh tranh : Tình trạng cung vượt cầu của các cảng biển tại khu vực Cái Mép Thị Vải, và khu vực Cát Lái, đối với hàng container dẫn đến sự cạnh tranh rất gay gắt. Một số cảng có sự chuyển hướng tham gia khai thác hàng bách hóa. Xu hướng này gây ra sự cạnh tranh và áp lực lớn đối với Công ty nhất là các mặt hàng đóng gạo, bột mì.

Rủi ro về giao thông : Hiện nay tuyến đường Nguyễn Duy Trinh nối từ Tân Cảng - Phú Hữu ra đường cao tốc và xa lộ Hà Nội vẫn chưa triển khai đầu tư mở rộng. đồng thời việc hạn chế thời gian từ đường Nguyễn Duy Trinh ra xa lộ Hà Nội là trở ngại lớn đối với hàng hóa ra vào Cảng và ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động SXKD khai thác tại Tân Cảng - Phú Hữu.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2019.**1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019.**

Năm 2019 đơn vị đã chủ động, sáng tạo, khắc phục khó khăn; hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị trọng tâm như: hoàn thành các gói dự án công trình xây dựng và nâng cấp cảng chất lượng. Công tác quản lý đơn vị, xây dựng chính quy từng bước đi vào nề nếp. Giữ vững nguyên tắc trong lãnh đạo, đội ngũ CB, đảng viên đã phát huy tính tiên phong gương mẫu trong công tác. Tình hình tư tưởng chung toàn C.ty ổn định, toàn đơn vị đoàn kết thống nhất, được tặng bằng khen của TCTY TCSG.

BẢNG KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2019	Kết quả năm 2019	So sánh kết quả năm 2019 với kế hoạch 2019	
					Số tiền	Tăng giảm (%)
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	338.843	350.608	11.765	103.4
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	55.569	56.203	634	101.1
3	Thuế TNDN	Triệu đồng	11.113	11.241	128	101.1
4	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	44.455	44.963	508	101.1
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng doanh thu	%	13.1	12.8		

2. Tổ chức và nhân sự :

– **Danh sách Ban điều hành:** (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác).

Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành :

2.1 Giám đốc công ty :**2.1.1 Ông ĐỐI THANH HẢI : Giám đốc Công ty (miễn nhiệm từ 01/03/2020)**

Họ và tên : ĐỐI THANH HẢI
Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 29/08/1963
Nơi sinh : Thanh Hóa
Số chứng minh nhân dân : 025833810 do CA.TP.HCM cấp ngày 22/08/2014
Quốc tịch : Việt nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Xã Quang Hải, Huyện Quảng Xương, Tỉnh Thanh Hóa
Địa chỉ thường trú : 20 Đường 51, Khu phố 3, Phường Cát Lái, Quận 2
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế vận tải biển

Quá trình công tác :

- Giám đốc Công ty Tân Cảng 128, Giám đốc Công ty Tân Cảng Miền Trung, Phó Giám đốc kinh doanh Công ty Kho Vận Tân Cảng.

Chức vụ công tác hiện nay :

+ Giám đốc Công ty Tân Cảng – Phú Hữu

+ Số chứng khoán đại diện sở hữu : 2.595.400 Cổ phần, chiếm tỷ lệ 16.12% (đại diện sở hữu đến hết ngày 29/02/20).

Các khoản nợ đối với công ty : Không

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

2.1.2 Ông Nguyễn Minh Hải: Giám đốc Công ty (bổ nhiệm từ ngày 01/03/2020)

Họ và tên : NGUYỄN MINH HẢI
Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 28/01/1979

Nơi sinh : Hải Phòng
Số chứng minh nhân dân : 023752603 do CA.TP.HCM cấp ngày 09/01/2015
Quốc tịch : Việt nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Tam Đa, Vĩnh Bảo, Hải Phòng
Địa chỉ thường trú : Căn hộ số 09, tầng 20, tòa nhà Landmark 1 (L1-20.09), Khu dân cư Vinhomes Central Park, 208 Nguyễn Hữu Cảnh, P.22, Q. Bình Thạnh, Tp.HCM.
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế.
Quá trình công tác :
- Phó Giám đốc Công ty CP DV&DL Tân cảng Số Một; Phó Giám đốc Công ty CP Vận Tải Bộ Tân cảng.
Chức vụ công tác hiện nay:
+ Giám đốc Công ty Tân Cảng – Phú Hữu
+ Số chứng khoán đại diện sở hữu : 2.595.400 Cổ phần, chiếm tỷ lệ 16.12% (đại diện sở hữu bắt đầu từ ngày 01/03/2020).
Các khoản nợ đối với công ty : Không
Hành vi vi phạm pháp luật : Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

2.2 Phó Giám đốc Công ty :

2.2.1 Ông Nguyễn Thái Bình: Phó Giám đốc công ty (miễn nhiệm từ ngày 01/03/2020)

Họ và tên : Nguyễn Thái Bình
Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 02/12/1983
Nơi sinh : Tp.HCM
Số chứng minh nhân dân : 079083003133 do CA TP.HCM cấp 20/07/2016
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Tp.HCM
Địa chỉ thường trú : 559 Nguyễn Duy Trinh, Q 2, Tp.HCM
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Cử nhân thương mại, Cử nhân quản lý dự án, CNTT

Quá trình công tác :

Các chức vụ công tác hiện nay :

+ Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu.

+ Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu : K.hông

Các khoản nợ đối với công ty : Không

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

2.2.2 Ông Lê Quốc Việt: Phó Giám đốc công ty (được bổ nhiệm từ tháng 10/2018)

Họ và tên : Lê Quốc Việt

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 27/12/1969

Nơi sinh : Đồng Tháp

Số chứng minh nhân dân : 022268435 do CA TP.HCM cấp 03/08/2011

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Đồng Tháp

Địa chỉ thường trú : 649/36/2 Điện Biên Phủ, P. 25, Quận Bình Thạnh, HCM.

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế, kỹ sư cơ khí.

Quá trình công tác :

Các chức vụ công tác hiện nay :

+ Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu.

+ Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu : 2.423.066 cổ phần, chiếm tỷ lệ 15.05%

+ Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 3.078 cổ phần chiếm tỷ lệ 0.019%

Các khoản nợ đối với công ty : Không

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

2.2.2 Ông Võ Xuân Chung: Phó Giám đốc công ty (được bổ nhiệm từ tháng 01/03/2020)

Họ và tên : Võ Xuân Chung

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 10/10/1975

Nơi sinh : Hà Tĩnh
Căn cước công dân : 042075000177 do Cục CSDKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp 13/09/2016
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Hà Tĩnh
Địa chỉ thường trú : 125/18 Đường D1, P.25, Quận Bình Thạnh, HCM.
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế vận tải biển.
Quá trình công tác :
Các chức vụ công tác hiện nay :
+ Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu.
+ Sổ chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu : không
Các khoản nợ đối với công ty: Không
Hành vi vi phạm pháp luật: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

2.3 Kế toán trưởng Công ty :

Ông Nguyễn Văn Hậu : **Kế toán trưởng công ty (tái bổ nhiệm từ tháng 5/2018)**
Họ và tên : **Nguyễn Văn Hậu**
Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 18/12/1978
Nơi sinh : Bình Định
Số chứng minh nhân dân : 052078000296 do Cục ĐKQL và DIQG về dân cư cấp 28/06/2018
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Bình Định
Địa chỉ thường trú : 11/14 QL 13, Khu phố 3, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Cử Nhân Kinh tế
Quá trình công tác :

Từ tháng 3/2005 đến 03/2014 Công tác tại Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé.

Các chức vụ công tác hiện nay :

+ Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu.

Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu :

+ Số lượng cổ phần đại diện : không

+ Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân : 692 cổ phần chiếm tỷ lệ 0.0043%

Các khoản nợ đối với công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Số lượng cán bộ, nhân viên: Tổng số cán bộ nhân viên của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2019 là 151 người. Tiền lương thực hiện bình quân năm 2019 là 18.3 triệu đồng.

Công ty luôn quan tâm đến đời sống của CBCNV, đảm bảo thu nhập cho người lao động luôn được cải thiện và nâng cao. Chú trọng công tác nâng cao đời sống tinh thần của người lao động, đồng thời luôn thực hiện tốt các chế độ chính sách cho người lao động như bảo hiểm, khám chữa bệnh định kỳ... làm cho người lao động luôn yên tâm và gắn bó vì sự nghiệp phát triển của Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án :

Trong năm 2019 dự án nâng cấp Tân Cảng Phú Hữu đã hoàn thiện. Tổng số gói thầu 23 gói. Đã được đơn vị kiểm toán độc lập kiểm tra quyết toán.

4. Tình hình tài chính

a). Tình hình tài chính :

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	442.763.609.334	395.896.797.658	-10.5%
Doanh thu thuần	321.971.612.594	347.711.880.866	+8.0%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	54.530.699.773	56.203.157.455	+3.1%
Lợi nhuận khác	(5.692.965)	114.719	
Lợi nhuận trước thuế	54.525.006.808	56.203.272.174	+3.1%
Lợi nhuận sau thuế	43.553.707.767	44.962.617.739	+3.2%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	20%	20%	

b). Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu :

Các chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1.37	1.64	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	1.37	1.64	
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.53	0.46	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1.15	0.87	
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.53	0.88	
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	13.5%	12.9%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	21.1%	21.2%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	9.8%	11.4%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	16.9%	16.2%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**a). Cổ phần:**

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 16.100.000 cổ phần.
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: không có.
- Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.

b). Cơ cấu cổ đông:

Danh mục	Cổ đông		
	Gía trị (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số cổ đông
1. Cổ đông sáng lập	76.968.000.000	47,8%	3
2. Cổ đông ngoài công ty	84.032.000.000	52,2%	286

c). Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có

d). Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

e). Các chứng khoán khác: không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc :**1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh :**

Năm 2019 đơn vị đã chủ động, sáng tạo, khắc phục khó khăn; hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị trọng tâm như: hoàn thành các gói dự án công trình xây dựng và nâng cấp cảng chất lượng đạt hiệu quả sản xuất vượt kế hoạch Công ty đã đề ra. Công tác quản lý đơn vị, xây dựng chính quy từng bước đi vào nề nếp. Giữ vững nguyên tắc trong lãnh đạo, đội ngũ CB, đảng viên đã phát huy tính tiên phong gương mẫu trong công tác. Tình hình tư tưởng chung toàn Công ty ổn định, toàn đơn vị đoàn kết thống nhất, được tặng bằng khen của TCTY TCSG.

Trong điều kiện khai thác kinh doanh như trên, Ban lãnh đạo công ty đã cố gắng phát huy năng lực hoạt động sẵn có của công ty để dần đưa công ty đi vào khai thác kinh doanh ổn định và phát triển, đảm bảo thu nhập của CBCNV và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ ngân sách, chấp hành nghiêm các quy định của Nhà nước về kinh doanh và quản lý tài chính.

2. Tình hình tài chính :**a). Tình hình tài sản :**

Tổng tài sản Công ty (theo số liệu trên Bảng cân đối kế toán đã được kiểm toán) tính đến ngày 31/12/2019 là 395.896.797.658 đồng giảm 46.866.811.676 đồng so với đầu năm, chủ yếu là do các nhân tố sau :

Chỉ tiêu	Tăng (+) Giảm (-)	Chi tiết tăng, giảm
A. Tài sản ngắn hạn	-46.866.811.676 đồng	
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	-28.608.090.938 đồng	Số dư tính đến ngày 31/12/2019 giảm 28.608.090.938 đồng trong đó: tiền mặt giảm 465.473.000 đồng, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn giảm 28.142.617.938 đồng,
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	+19.860.899.074 đồng	
Trong đó :		
Phải thu khách hàng	+24.574.503.344 đồng	Phải thu khách hàng TCT Tân cảng Sài Gòn tăng 17.391.844.109 đồng, khách hàng khác tăng 7.182.659.235 đồng.
Trả trước cho người bán	-5.169.643.492 đồng	Trả trước cho người bán giảm 5.169.643.492 đồng.
Phải thu ngắn hạn khác	+456.039.222 đồng	Tạm ứng giảm 465.436.084 đồng, dự thu lãi tiền gửi tăng 261.609.589 đồng, các khoản phải thu ngắn hạn khác tăng 548.816.431 đồng, thuế thu nhập cá nhân phải thu từ NLD tăng 111.049.286 đồng.
4. Hàng tồn kho	Không phát sinh	Không phát sinh
5. Tài sản ngắn hạn khác	-3.168.740.678 đồng	Chi phí trả trước ngắn hạn tăng 47.651.333 đồng, khoản thuế GTGT được khấu trừ giảm 3.216.392.011 đồng.
B. Tài sản dài hạn	-34.950.879.134 đồng	
1. Các khoản phải thu dài hạn		

2. Tài sản cố định	-37.296.436.231 đồng	
a. Tài sản cố định hữu hình	-37.296.436.231 đồng	
Nguyên giá	- 2.874.908.666 đồng	
Khấu hao	- 34.421.527.565 đồng	
b. Tài sản cố định thuê tài chính		
c. Tài sản cố định vô hình		
d. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
3. Đầu tư bất động sản		
4. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		
5. Tài sản dài hạn khác	+2.345.557.097 đồng	

b). Tình hình nợ phải trả :

Tổng nguồn vốn Công ty (theo số liệu trên Bảng cân đối kế toán đã được kiểm toán) tính đến ngày 31/12/2019 là 395.896.797.658 đồng giảm 46.866.811.676 đồng so với đầu năm chủ yếu do các nhân tố sau:

Chỉ tiêu	Tăng (+) Giảm (-)	Chi tiết tăng, giảm
A. Nợ phải trả	-52.520.207.036 đồng	
I. Nợ ngắn hạn	-22.914.486.486 đồng	
1. Vay và nợ ngắn hạn	+4.727.798 đồng	
2. Phải trả cho người bán	-12.456.591.368 đồng	Phải trả các bên liên quan tăng 6.261.855.780 đồng, Phải trả các đối tượng khác giảm 18.718.447.148 đồng
3. Người mua trả tiền trước	+16.368.000 đồng	
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	-1.190.449.165 đồng	
5. Phải trả người lao động	+1.162.765.726 đồng	
6. Chi phí phải trả		
7. Các khoản phải trả, phải	-50.353.117 đồng	

nộp ngắn hạn khác		
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-1.330.910.000 đồng	
II. Nợ dài hạn	- 29.605.720.550 đồng	
B. Vốn chủ sở hữu	+5.653.395.360 đồng	
I. Vốn chủ sở hữu	+5.653.395.360 đồng	
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
2. Thặng dư vốn cổ phần		
3. Cổ phiếu quỹ		
4. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	+2.177.685.388 đồng	
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	+3.475.709.972 đồng	

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Trong năm 2019 Công ty duy trì sự ổn định về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý. Công ty chú trọng phát triển công tác đào tạo nội bộ, nâng cao chất lượng của nhân viên.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai :

a). Kế hoạch sản xuất – kinh doanh năm 2020 :

Căn cứ vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 và dự kiến tình hình năm 2019, Ban điều hành Công ty xây dựng Định hướng kế hoạch hoạt động sản xuất – kinh doanh năm 2020 với các chỉ tiêu như sau :

Đơn vị tính : đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2019	KH năm 2020	% so với TH 2019
1	Tổng doanh thu	350.608.189.423	340.368.237.520	97%
2	Tổng chi phí	294.404.917.249	290.359.035.267	99%
3	Lợi nhuận trước thuế	56.203.272.174	50.009.202.253	89%
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.240.654.435	10.001.845.451	89%
5	Lợi nhuận sau thuế	44.962.617.739	40.007.361.803	89%

b). Hoạt động đầu tư :

Trong năm 2019 công ty tập trung quyết toán và kiểm toán độc lập kiểm tra toàn bộ hồ sơ dự án đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng.

+ Ông Đặng Hoài Giang

Chủ tịch HĐQT

+ Ông Nguyễn Ngọc Thảo

Thành viên HĐQT

+ Ông Nguyễn Năng Toàn

Thành viên HĐQT

Cơ cấu của Hội đồng quản trị :

STT	Tên cá nhân	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ cổ phiếu sở hữu (%)
1	Đặng Hoài Giang	Chủ tịch HĐQT	2.498.894	15,52%
2	Lê Quốc Việt	Thành viên HĐQT.	2.389.744	14,84%
3	Nguyễn Ngọc Thảo	Thành viên HĐQT	2.387.510	14,83%
4	Nguyễn Năng Toàn	Thành viên HĐQT	3.220.000	20%
5	Đới Thanh Hải	Thành viên HĐQT	2.595.400	16,12%

a). Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Công ty chưa thành lập tiểu ban

b). Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị Công ty gồm 05 thành viên, trong đó có 03 thành viên không trực tiếp điều hành. Năm 2019 Hội đồng quản trị Công ty có 06 cuộc họp gồm các nội dung như sau :

Phiên họp	Số thành viên dự họp	Nội dung
09/01/2019	05	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2018 và kế hoạch hoạt động SXKD năm 2019. - Duyệt quỹ lương NLD và NQL năm 2018 - Dự kiến công tác tổ chức lễ tổng kết hoạt động SXKD 2018. - Đề nghị thanh lý 02 cầu QC - Thông qua việc thay đổi người đại diện vốn của TCT Tân Cảng Sài Gòn tại Công ty Tân Cảng – Phú Hữu.
12/03/2019	05	<p><u>Biểu quyết bằng văn bản</u> để thông qua:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy chế tiền lương, thù lao và tiền thưởng

		của người quản lý.
10/04/2019	05	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua báo cáo tài chính năm 2019. - Thông qua quỹ lương NLĐ và NQL năm 2018. - Thông qua kế hoạch SXKD năm 2019. - Đề nghị cho san lấp và xây dựng tường rào tại vị trí đất từ cột mốc M19 đến M20a, diện tích 500m². - Thuê đơn vị tư vấn tổ chức đại hội cổ đông năm tài chính 2018, dự kiến thời gian chốt danh sách cổ đông và thời gian tổ chức ĐHCĐ.
08/05/2019	05	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua chương trình đại hội cổ đông năm 2019. - Thông qua các nội dung trình ĐHCĐ trong Hội nghị ĐHCĐ năm 2019. - Thông qua quy định giá cổ phiếu và chọn ngày giao dịch đầu tiên.
30/08/2019	05	<p><u>Biểu quyết bằng văn bản</u> để thông qua:</p> <p>“Phương án chi thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành, và một số cán bộ khác,..”</p>
05/11/2019	05	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua chủ trương đầu tư cảng RTG - Thông qua Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2019 của Công ty.

c). Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.

Hiện Hội đồng quản trị Công ty có 03 thành viên không điều hành là Ông Đặng Hoài Giang, Ông Nguyễn Ngọc Thảo, Ông Nguyễn Năng Toàn có kiến thức sâu rộng và kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán và khai thác cảng biển. Ông Đặng Hoài Giang có kiến thức sâu rộng về lĩnh vực tài chính kế toán. Ông Nguyễn Ngọc Thảo có kiến thức sâu rộng trong lĩnh vực

kinh tế vận tải biển. Ông Nguyễn Năng Toàn có kiến thức sâu rộng trong lĩnh vực kinh tế vận tải biển. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành đã đóng góp tích cực vào việc quản lý tài chính, sửa chữa máy móc thiết bị, xây dựng tầm nhìn chiến lược, và kế hoạch hoạt động của Công ty.

d). Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Công ty chưa thành lập tiểu ban.

e). Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

Toàn bộ thành viên Hội đồng quản trị Công ty đều đã tham gia khóa học về quản trị Công ty.

2. Ban Kiểm soát :

a). Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát Công ty gồm 03 thành viên :

- + Bà Lê Thị Huyền : Trưởng Ban kiểm soát (Cổ đông bầu).
- + Ông Nguyễn Lê Bảo Quốc : Thành viên Ban kiểm soát (Cổ đông bầu).
- + Ông Trần Tất Thắng : Thành viên Ban kiểm soát (Cổ đông bầu).

- Cơ cấu của Ban kiểm soát :

STT	Tên cá nhân	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ cổ phiếu sở hữu (%)
1	Lê Thị Huyền	Trưởng BKS		
2	Nguyễn Lê Bảo Quốc	Thành viên BKS	389	0,0024%
3	Trần Tất Thắng	Thành viên BKS		

b). Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát đã tiến hành các hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu trong việc quản lý và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2019 như sau :

+ Kiểm soát, giám sát công tác hạch toán kế toán Công ty đảm bảo tuân thủ Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Xem xét Báo tài chính định kỳ hàng tháng, quý, cả

năm do Ban điều hành cung cấp. Từ đó, phân tích đánh giá tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh và hiệu quả sử dụng vốn.

+ Tham gia phối hợp cùng đơn vị kiểm toán, về phạm vi, nội dung thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty. Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2019 trước và sau kiểm toán, đồng thời xem xét các ý kiến kiểm toán viên độc lập. Ban kiểm soát nhận định Báo cáo tài chính năm 2019 đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2019.

+ Ban kiểm soát đều tham dự đầy đủ các cuộc họp định kỳ hàng quý giữa Hội đồng quản trị với Ban Giám đốc để nghe Ban Giám đốc báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh từng quý và mục tiêu phương hướng hoạt động các tháng, quý tiếp theo, xây dựng kế hoạch kinh doanh cho năm 2019. Từ đó, Ban kiểm soát tham gia đóng góp ý kiến của mình trong công tác điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

a) *Các giao dịch: Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.*

b) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Tiền lương của Ban Giám đốc : 1.989.871.493 đồng (chi tiết)
 - + Giám đốc Đới Thanh Hải : 842.823.529 đồng
 - + P. Giám đốc Nguyễn Thái Bình : 563.554.751 đồng
 - + P. Giám đốc Lê Quốc Việt : 583.493.213 đồng

Thù lao của Hội đồng quản trị và ban kiểm soát: 1.036.800.000 đồng (chi tiết)

STT	Họ Và Tên	Chức danh	Thù lao	Ghi chú
1	Đặng Hoài Giang	Chủ tịch HĐQT	129.600.000	
2	Nguyễn Ngọc Thảo	TV. HĐQT	129.600.000	
3	Lê Quốc Việt	T/V HĐQT	129.600.000	
4	Nguyễn Năng Toàn	T/V HĐQT	129.600.000	
5	Đới Thanh Hải	T/V HĐQT	129.600.000	
6	Lê Thị Huyền	Trưởng ban ks	129.600.000	
7	Nguyễn Lê Bảo Quốc	Thành viên ban KS	129.600.000	

8	Trần Tất Thắng	Thành viên ban ks	129.600.000	
---	----------------	-------------------	-------------	--

- c) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không phát sinh
- d) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không phát sinh
- e) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Việc quản trị Công ty luôn đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Số: 1./TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 13 tháng 3 năm 2020, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình

bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đvt : VND

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	347.711.880.866	321.971.612.594
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02			-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		347.711.880.866	321.971.612.594
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	260.649.287.191	235.691.584.873
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		87.062.593.675	86.280.027.721
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.896.192.714	975.009.358
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	14.649.880.187	14.766.314.305
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		14.649.880.187	14.766.314.305
8.	Chi phí bán hàng	25			-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	19.105.748.747	17.958.023.001
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		56.203.157.455	54.530.699.773
11.	Thu nhập khác	31		115.843	75.795.434
12.	Chi phí khác	32		1.124	81.488.399
13.	Lợi nhuận khác	40		114.719	(5.692.965)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		56.203.272.174	54.525.006.808
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.9	11.240.654.435	10.971.299.041
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52			-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		44.962.617.739	43.553.707.767
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	2.170	2.187
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.6	2.170	2.187

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đvt : VND

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		121.626.028.644	133,541,961,186
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	55.985.406.506	84,593,497,444
1.	Tiền	111		10.985.406.506	39,593,497,444
2.	Các khoản tương đương tiền	112		45.000.000.000	45,000,000,000
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		65.232.323.273	45,371,424,199
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	60.898.825.050	36,324,321,706
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	1.431.000.000	6,600,643,492
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	2.902.498.223	2,446,459,001
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140		-	-
1.	Hàng tồn kho	141		-	-

V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		408.298.865	3,577,039,543
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5	373.778.605	326,127,272
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		34.520.260	3,250,912,271
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B-	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		274.270.769.014	309,221,648,148
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		271.712.037.417	309,008,473,648
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	271.712.037.417	309,008,473,648
-	<i>Nguyên giá</i>	222		390.395.166.763	393,270,075,429
-	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(118.683.129.346)	(84,261,601,781)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
-	<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
-	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-

-	Nguyên giá	228		-	-
-	Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
-	Nguyên giá	231		-	-
-	Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		2.558.731.597	213,174,500
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.5	2.558.731.597	213,174,500
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		395.896.797.658	442,763,609,334
	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C -	NỢ PHẢI TRẢ	300		183.872.904.506	236,393,111,542
I.	Nợ ngắn hạn	310		74.292.232.245	97,206,718,731
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.7		

				31.360.417.590	43,817,008,958
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.8	170.946.417	154,578,417
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9	3.928.185.260	5,118,634,425
4.	Phải trả người lao động	314	V.10	7.969.878.719	6,807,112,993
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	773.825.700	9,843,870,060
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	313.901.965	364,255,082
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13a	29.600.992.752	29,596,264,954
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.14	174.083.842	1,504,993,842
13.	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		109.580.672.261	139,186,392,811
1.	Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13b	109.580.672.261	139,186,392,811
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-

				-	-
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D -	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		212.023.893.152	206,370,497,792
I.	Vốn chủ sở hữu	410		212.023.893.152	206,370,497,792
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.15	161,000,000,000	161,000,000,000
-	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>161,000,000,000</i>	<i>161,000,000,000</i>
-	<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>411b</i>		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5.	Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418	V.15	6.085.051.804	3,907,366,416
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.15	44.938.841.348	41,463,131,376
-	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>				
	<i>lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>			<i>223,609</i>
-	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>44.938.841.348</i>	<i>41,462,907,767</i>
12.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-

1.	Nguồn kinh phí	431	-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	395.896.797.658	442,763,609,334

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đvt : VND

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		56.203.272.174	54,525,006,808
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.6	34.421.527.565	32,477,293,668
-	Các khoản dự phòng	03		-	-
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại				
	các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(2.896.192.714)	(975,009,358)
-	Chi phí lãi vay	06	VI.4	14.649.880.187	14,766,314,305
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</i>				
	<i>trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		102.378.487.212	100,793,605,423
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(16.386.382.308)	23,867,109,490
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	-
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		7.536.918.664	12,047,065,601
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.393.208.430)	1,165,582,185
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14	VI.4	(14.649.880.187)	(14,766,314,305)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.9	(12.971.299.041)	(9,946,532,014)

-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.14, V.15	(8.440.132.379)	(4,404,025,774)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		55.074.503.531	108,756,490,606
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và				
	các tài sản dài hạn khác	21	V.6, VII	(24.437.114.678)	(33,087,992,795)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và				
	các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của				
	đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của				
	đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.4, VI.3	2.634.583.125	850,009,358
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(21.802.531.553)	(32,237,983,437)
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của				
	chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại				
	cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33	V.13	-	36,102,772,794
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34	V.13	(29.600.992.752)	(27,892,171,752)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.12, V.15	(32.279.070.164)	(25,105,620,042)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(61.880.062.916)	(16,895,019,000)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(28.608.090.938)	59,623,488,169

Báo cáo thường niên năm 2019**Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu**

Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	84.593.497.444	24,970,009,275
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	55.985.406.506	84,593,497,444

2/. Bảng thuyết minh báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán năm 2019 trên website Công ty www.phuhuuport.com

Tp.HCM, ngày tháng năm 2020

CHỦ TỊCH HĐQT



Đặng Hoài Giang



